

PHỤ LỤC SỐ 2
GIÁ ĐẤT NĂM 2014 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUẢNG UYÊN
(Kèm theo Quyết định số 26 /2013/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

1. Bảng giá đất ở; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại thị trấn
 Đơn vị tính: đồng/m²

Đô thị	Loại đường phố	Vị trí			
		1	2	3	4
Thị trấn	I	2.070.000	1.020.000	510.000	250.000
	II	1.378.000	689.000	345.000	172.000
	III	984.000	492.000	246.000	123.000
	IV	703.000	351.000	175.000	88.000
	V	503.000	251.000	125.000	62.000
Xã loại 1	Khu vực 1	404.000	192.000	96.000	55.000

2. Bảng giá đất ở; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn

Đơn vị tính: đồng/m²

Loại xã	Khu vực	Vị trí			
		1	2	3	4
Loại 2	Khu vực 1	210.000	105.000	52.000	42.000
	Khu vực 2	118.000	59.000	44.000	35.000
	Khu vực 3	68.000	40.000	30.000	25.000

3. Bảng giá đất chuyên trồng lúa nước hai vụ

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	65.000	48.000	34.000
		Vùng 2	50.000	38.000	26.000
2	Loại 2	Vùng 1	48.000	36.000	25.000
		Vùng 2	36.000	28.000	19.000
		Vùng 3	28.000	20.000	14.000

- Trường hợp thửa đất chuyên trồng rau và đất chuyên trồng hoa thì giá đất tính bằng mức giá quy định trong bảng này.

4. Bảng giá đất trồng một vụ lúa và một vụ màu/năm

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	59.000	44.000	31.000
		Vùng 2	46.000	35.000	24.000
2	Loại 2	Vùng 1	44.000	33.000	23.000
		Vùng 2	33.000	25.000	18.000
		Vùng 3	25.000	19.000	13.000

- Trường hợp thửa đất ruộng bậc thang trên sườn đồi thì giá đất được tính bằng bằng 0,9 lần.

- Trường hợp thửa đất chuyển sang trồng mía thì giá đất tính bằng mức giá quy định trong bảng giá này.

5. Bảng giá đất trồng cây hàng năm khác

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	54.000	40.000	28.000
		Vùng 2	42.000	32.000	22.000
2	Loại 2	Vùng 1	40.000	30.000	21.000
		Vùng 2	30.000	23.000	16.000
		Vùng 3	23.000	17.000	12.000

- Trường hợp thửa đất trồng một vụ lúa thì giá đất tính bằng mức giá quy định trong bảng giá này.

- Trường hợp thửa đất trồng cây hàng năm khác có địa hình dốc >15⁰ thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

6. Bảng giá đất trồng cây lâu năm

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	52.000	38.000	27.000
		Vùng 2	40.000	30.000	21.000
2	Loại 2	Vùng 1	38.000	28.000	20.000
		Vùng 2	28.000	21.000	15.000
		Vùng 3	21.000	16.000	11.000

- Trường hợp thửa đất trồng cây lâu năm trên địa hình dốc > 15⁰ thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình dốc trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất tính bằng 0,5 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình bằng phẳng trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

7. Bảng giá đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng

Đơn vị tính: Đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vị trí		
		1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	7.500	4.500	2.200
2	Loại 2	5.400	3.500	1.700

8. Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Loại 1 (thị trấn)	Vùng 1	37.000	32.000	22.000
		Vùng 2	32.000	28.000	20.000
2	Loại 2	Vùng 1	32.000	28.000	20.000
		Vùng 2	28.000	22.000	16.000
		Vùng 3	22.000	16.000	11.000

9. Giá đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư thị trấn (trừ đất lâm nghiệp)

Đơn vị tính: đồng/m²

Số TT	Loại xã	Vùng	Vị trí		
			1	2	3
1	Thị trấn	Vùng 1	68.000	49.000	35.000
		Vùng 2	52.000	39.000	27.000
		Vùng 3	39.000	29.000	21.000

- Trường hợp thửa đất trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm có địa hình dốc > 15° thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình dốc trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất tính bằng 0,5 lần.

- Đất trồng cây lâu năm trên địa hình bằng phẳng trồng xen lẫn cây lâm nghiệp (mật độ cây lâu năm tỷ lệ đạt từ 50% dưới 70% diện tích) thì giá đất được tính bằng 0,7 lần.

10. Giá đất để tính tiền thuê đất với Nhà nước và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất khai thác khoáng sản được quy định chung: 80.000 đồng/m².

B. PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ, KHU VỰC, VÙNG VÀ VỊ TRÍ ĐẤT

I. THỊ TRẤN QUẢNG UYÊN

Bao gồm 4 loại đường phố, từ loại I đến loại V.

1. Phân loại đường phố và vị trí đất ở

1.1. Đường phố loại I

Gồm các đoạn đường sau:

- Đoạn đường từ cơ quan Quản lý thị trường qua phố Hồng Thái, phố Mới Hoà Trung, Hoà Nam đến ngã tư kiểm lâm;
- Đoạn từ nhà hàng Hoàng Tuấn Anh theo đường tỉnh lộ 206 đến ngã tư kiểm lâm;
- Các đoạn đường chạy xung quanh chợ và đường nối chợ.
- Đoạn từ nhà bà Hoàng Thị Hào đến nhà ông Phạm Viết Học;
- Đoạn từ ngã ba cơ quan Chi nhánh điện đến ngã tư Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Đinh Văn Mạnh (phố Mới) qua Ràng Phan đến nhà ông Mai Kiên Võ;
- Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Lại Quế Lương (phố Hoà Bình) đến ngã tư nhà ông Đinh Văn Nhật (Bưu điện).

a) Vị trí 1

Các vị trí đất mặt tiền dọc hai bên đường của đường phố loại I và các vị trí đất mặt tiền của khu vực chợ, bốn đường nhánh vào chợ.

b) Vị trí 2

Các vị trí đất mặt tiền của các vị trí phía sau vị trí 1 có đường nhánh, ngõ mà ô tô đi lại được:

- Đoạn đường từ ngã ba Cầu Đỏ qua chợ Trâu vào chùa Bách Linh;
- Đoạn đường từ chợ vào đền Nùng Chí Cao;
- Đoạn đường từ chợ vào Trạm xá thị trấn Quảng Uyên.
- Đoạn từ đường 206 vào khu tập thể Ngân hàng đến nhà ông Đặng Văn Dũng;
- Đoạn từ đường 206 vào khu Định canh, định cư đến nương thoát nước Thị trấn (đang sau Trụ sở Chi Cục thuế).

1.2. Đường phố loại II

a) Vị trí 1

- Các vị trí đất mặt tiền thuộc đường phố loại II.
- Đoạn từ ngã ba cơ quan Công an huyện đến nhà ông Lương Văn Thụ.
- Đoạn đường từ nhà hàng Triệu Tấn (cổng Huyện ủy) theo đường vào cổng Trung tâm giáo dục thường xuyên, cổng trường Tiểu học đến hết đường mới;
- Đoạn từ cổng trường nội trú - Trường Tiểu học - Trung tâm Giáo dục thường xuyên đến hết đường mới chạy đằng sau Huyện ủy.

b) Vị trí 2

Các vị trí đất mặt tiền thuộc đoạn đường:

Đoạn từ ngã ba trụ sở Toà án nhân dân vào đằng sau đến Trường Nội trú.

1.3. Đường phố loại III

- Đoạn đường từ ngã tư cơ quan Kiểm lâm theo đường nhánh đến nhà ông Lý Coóng (gặp Quốc lộ 3);
- Đoạn từ ngã tư kiểm lâm theo đường 206 đến hết cửa hàng xe máy Xuân Hòa;
- Đoạn từ cửa hàng xe máy Xuân Hòa đến hết nhà ông Nông Văn Ba;
- Đoạn đường từ ngã ba Nhà văn hoá phố Hoà Trung, Hoà Nam (Nhà hàng Trường Hà) đến ngã ba nhà ông Bé Thiên Sơn;
- Đoạn đường từ nhà hàng Tuấn Anh theo đường 206 đến hết nhà kho Duyên Hòa công thoát nước (cạnh nhà ông Tô Quang Thành);
- Đoạn đường vòng trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn;
- Đoạn từ đường tỉnh lộ 206 rẽ vào Trạm Khuyến nông đến nhà ông Phan Văn Núi;
- Đoạn đường ngõ công phụ Công an huyện nối với đường tỉnh lộ 206;
- Đoạn đường từ ngã ba Trạm biến thế (nhà bà Lục Thị Miết) thẳng đến tiếp giáp đường đi Bệnh viện;
- Đoạn đường từ đường tỉnh lộ 206 (nhà ông La Tân) theo đường đi Cách Linh đến nhà ông Thẩm Hữu Tàng.

a) Vị trí 1

Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại III.

b) Vị trí 2

Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Điện đến nhà ông Ma Kiên Cường (đoạn đường đằng sau trụ sở Công an huyện).

c) Vị trí 3

Các vị trí đất mặt tiền của đường nhánh, ngõ rộng 2-3m mà xe công nông đi lại được.

1.4. Đường phố loại IV

- Đoạn từ nhà ông Thẩm Hữu Tàng theo đường đi Cách Linh đến hết địa giới Thị trấn (giáp xã Chí Thảo);
- Đoạn đường từ tiếp giáp Nhà kho Duyên Hòa theo đường tỉnh lộ 206 đến hết nhà ông Hà Quang Hạnh;
- Đoạn đường nối từ sân vận động vào đến cổng Trường Trung học Cơ sở thị trấn Quảng Uyên.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền thuộc đường phố loại IV.

1.5. Đường phố loại V

- Đoạn đường từ Cầu Đò theo đường đi xã Phi Hải đến hết địa phận thị trấn giáp xã Quốc Phong;

- Đoạn từ tiếp giáp nhà ông Hà Quang Hạnh theo tỉnh lộ 206 đến hết địa giới Thị trấn (giáp xã Quốc Phong).

- Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Ba theo Quốc lộ 3 đến hết địa giới Thị trấn (giáp xã Chí Thảo).

- Đoạn từ tiếp giáp Cửa hàng xe máy Xuân Hòa theo đường Quốc lộ 3 đi Cao Bằng đến hết địa giới Thị trấn.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của đường phố loại V.

2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Các thửa đất thuộc phạm vi hai bên đường phố loại I, II, III, IV, V.

II. CÁC XÃ CỦA HUYỆN QUẢNG UYÊN

Bao gồm các xã loại 2.

1. Xã Quốc Phong

1.1. Áp dụng giá đất theo đường phố của thị trấn:

Đường phố loại V

+ Đoạn đường từ ranh giới địa phận thị trấn Quảng Uyên theo đường đi xã Phi Hải đến chân dốc Keng Riêng (nhà ông Lâm Văn Báo).

1.2. Áp dụng giá đất khu dân cư nông thôn.

Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

- Đoạn đường từ điểm tiếp giáp địa giới Thị trấn theo đường tỉnh lộ 206, đường tỉnh lộ 207 đến hết địa giới hành chính xã Quốc Phong (giáp Quảng Hưng, xã Độc Lập);

- Đoạn đường từ ngã ba dốc Keng Riêng (nhà bà Nhan Thị Hân) theo đường Thị trấn - Quốc Phong qua xóm Đà Vĩ trên đến xóm Đà Vĩ dưới (chân dốc Keng Mỏ).

b) Khu vực 2

- Đoạn từ nhà ông Hứa Đức Thuận qua xóm Bản Chang đến hết xóm Bản Lũng.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền thuộc đoạn đường Khu vực 2.

c) Khu vực 3

Các khu đất còn lại của địa bàn xã;

1.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

- Đoạn đường từ nhà ông Hứa Đức Thuận đến hết xóm Bản Lũng;

- Đất nông nghiệp hai bên đường của đường phố loại V của xã;

- Đoạn đường từ chân dốc Keng Mò theo đường tỉnh lộ 206 và đường tỉnh lộ 207 đến hết địa giới hành chính xã Quốc Phong (giáp Quảng Hưng, xã Độc Lập);

- Đoạn đường từ đỉnh dốc (Trụ sở UBND xã Quốc Phong) theo đường Thị trấn - Quốc Phong qua xóm Đà Vĩ trên đến xóm Đà vĩ dưới (chân dốc Keng Mò).

b) Vùng 2

- Đoạn đường từ ngã ba Trùng Khánh - Hạ Lang theo đường 206 đến hết địa phận xã Quốc Phong (tiếp giáp xã Quảng Hưng).

- Đoạn từ xóm Bản Lũng đến hết cụm dân cư Tam Quốc;

- Đoạn từ đỉnh dốc Keng Riêng theo đường đi Phi Hải đến hết địa phận xã Quốc Phong (giáp Xã Phi Hải).

c) Vùng 3

Các khu đất còn lại.

2. Xã Chí Thảo

2.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

- Đoạn đường từ đỉnh dốc Kéo Diên theo đường Cách Linh đến đỉnh dốc Tắc Kha;

- Đoạn đường từ đỉnh dốc Keng Man theo Quốc lộ 3 đến hết địa giới xã Chí Thảo (giáp xã Hồng Định).

b) Khu vực 2

- Đoạn đường từ thửa đất tiếp giáp đỉnh dốc Tắc Kha theo đường đi Cách Linh đến hết địa giới xã Chí Thảo (giáp xã Hồng Đại huyện Phục Hoà);

- Đoạn từ đường Quốc lộ 3 theo đường đi xã Tự Do đến hết địa giới xã Chí Thảo (giáp xã Tự Do).

+ Vị trí 1: Các vị trí đất có mặt tiền thuộc các đoạn đường của Khu vực 2.

c) Khu vực 3

Các vị trí đất còn lại của xã Chí Thảo.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 3 có đường ô tô đi lại được.

2.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Đất nông nghiệp thuộc phạm vi dọc các trục đường sau:

- Đoạn đường Đỉnh dốc Keng Man (tiếp giáp thị trấn Quảng Uyên) theo Quốc lộ 3 đến hết địa giới xã Chí Thảo (tiếp giáp xã Hồng Định);

- Đất nông nghiệp đoạn từ đỉnh dốc Kéo Diên theo đường đi Cách Linh đến đỉnh dốc Tắc Kha

- Đoạn từ đường Quốc lộ 3 theo đường đi xã Tự Do đến hết địa giới xã Chí Thảo (giáp xã Tự Do).

b) Vùng 2

- Đoạn từ đỉnh dốc Tắc Kha theo đường đi Cách Linh đến hết địa phận xã Chí Thảo.

c) Vùng 3

Đất nông nghiệp thuộc phạm vi các khu đất còn lại.

3. Xã Hồng Định

3.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

- Đoạn đường từ tiếp giáp địa giới xã Chí Thảo theo Quốc lộ 3 đến hết địa giới xã Hồng Định (giáp xã Hạnh Phúc).

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 2.

b) Khu vực 3

- Các vị trí đất còn lại.

3.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

Thuộc phạm vi hai bên đường từ tiếp giáp địa giới xã Chí Thảo theo Quốc lộ 3 đến hết địa giới xã Hồng Định (giáp xã Hạnh Phúc).

b) Vùng 3

Các khu đất còn lại.

4. Xã Ngọc Động

4.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

Các vị trí đất mặt tiền trong chợ, xung quanh chợ Đông Đa.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền trong chợ đến nhà ông Nông Văn Khải, đến Trường Mẫu giáo Đông Đa.

+ Vị trí 2:

- Các vị trí đất mặt tiền của đoạn đường từ nhà Mẫu giáo xã đến ngã tư làng Tầu Thoong.

- Đoạn đường từ nhà ông Mã Công Đức đến nhà ông Nông Văn Khải;

- Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Khải đến mỏ nước Kéo Rìn.

b) Khu vực 2

- Từ giáp xã Tự Do theo đường Keng Man - Hạnh Phúc đến nhà ông Mã Công Đức (xóm Phía Cang);

- Từ mỏ nước Kéo Rìn theo đường Keng Man - Hạnh Phúc đến giáp xã Hoàng Hải;

- Từ Tầu Thoong theo đường Ngọc Động - Trung Vương (huyện Hòa An) đến Lũng Cải.

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền Khu vực 2.

c) Khu vực 3

Các vị trí đất còn lại của xã Ngọc Động.

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền của khu vực 3 mà xe công nông đi lại được

4.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Thuộc phạm vi khu vực chợ Đông Đa.

b) Vùng 2

- Thuộc phạm vi hai bên đường đoạn từ tiếp giáp xã Tự Do theo đường liên xã đến tiếp giáp xã Hoàng Hải;

- Từ trường mẫu giáo theo đường đi Ngọc Động - Trưng Vương đến chân dốc Keng Niền.

c) Vùng 3

Các khu đất còn lại.

5. Xã Tự Do

5.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

Đoạn đường từ tiếp giáp xã Chí Thảo theo đường liên xã Tự Do- Ngọc Động đến tiếp giáp xã Ngọc Động.

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền thuộc đoạn đường của khu vực 2.

b) Khu vực 3

Các vị trí đất còn lại của xã Tự Do.

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền của khu vực 3 mà xe công nông đi lại được.

5.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

Thuộc phạm vi trục đường đoạn từ tiếp giáp xã Chí Thảo theo đường liên xã Tự Do- Ngọc Động đến tiếp giáp xã Ngọc Động.

b) Vùng 3

Các khu đất còn lại.

6. Xã Hoàng Hải

6.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

Đoạn tiếp giáp xã Ngọc Động theo đường liên xã đến giáp ranh xã Hạnh Phúc.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của đoạn đường từ nhà ông Vi Văn Dựng đến nhà ông Phan Văn Hùng và mặt tiền xung quanh chợ.

b) Khu vực 2

+ Vị trí 2: Đất mặt tiền của đoạn đường từ tiếp giáp xã Ngọc Động theo đường liên xã đến nhà ông Vi Văn Dựng; đoạn đường từ tiếp giáp nhà ông Phan Văn Hùng theo đường liên xã đến hết địa phận xã Hoàng Hải (giáp xã Hạnh Phúc).

c) Khu vực 3

Các vị trí đất còn lại của xã Hoàng Hải.

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường thuộc Khu vực 3 mà ô tô đi lại được.

6.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Thuộc khu vực chợ Hoàng Hải (đoạn từ nhà ông Vi Văn Dựng đến hết nhà ông Phan Văn Hùng).

b) Vùng 2

Thuộc phạm hai bên đường tiếp giáp xã Ngọc Động đến nhà ông Vi Văn Dựng và từ tiếp giáp nhà ông Phan Văn Hùng theo đường liên xã đến hết địa phận xã Hoàng Hải (tiếp giáp xã Hạnh Phúc)

c) Vùng 3

Các thửa đất nông nghiệp thuộc phạm vi còn lại của xã.

7. Xã Hạnh Phúc

7.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

Đoạn đường tiếp giáp xã Hoàng Hải theo đường liên xã đến ngã ba Lũng Luông (tiếp giáp Quốc lộ 3).

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 2.

b) Khu vực 3

Các vị trí đất còn lại của xã Hạnh Phúc.

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường thuộc Khu vực 3 mà xe công nông đi lại được.

7.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

Đất nông nghiệp thuộc phạm vi dọc trục đường đoạn tiếp giáp xã Hoàng Hải theo đường liên xã đến ngã ba Lũng Luông.

b) Vùng 3

Các khu đất còn lại.

8. Xã Độc Lập

8.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

Đoạn đường từ tiếp giáp xã Quốc Phong theo đường tỉnh lộ 207 đến cuối xóm Đồng Pán.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của đoạn đường thuộc Khu vực 2.

b) Khu vực 3

Các vị trí đất còn lại của xã Độc Lập.

+ Vị trí 1: Đất mặt đường thuộc Khu vực 3 mà xe ô tô đi lại được.

8.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

Thuộc phạm vi hai bên đường tiếp giáp xã Quốc Phong theo đường tỉnh lộ 207 đến tiếp giáp xã Cai Bộ (chân dốc Kéo Ngà).

b) Vùng 3

Các khu đất còn lại.

9. Xã Cai Bộ

9.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 1

+ Vị trí 1: Đất mặt tiền của khu vực chợ Háng Châu (từ nhà ông Đàm Văn Lập theo đường 207 đến nhà ông Hoàng Văn Kén; từ điểm tiếp giáp đường 207 qua chợ đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã).

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường:

Từ Trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo đường đi Triệu Ấu đến chân dốc Ba Lũng Khà; từ đường 207 rẽ đi xóm Bản Vươn đến gặp đường đi xã Triệu Ấu.

b) Khu vực 2

- Đoạn đường 207 từ giáp xã Độc Lập đến ngã ba đường rẽ đi xã Triệu Ấu; từ Trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo đường 207 đến hết địa phận xã.

+ Vị trí 2: Vị trí đất mặt tiền Khu vực 2.

c) Khu vực 3

Các vị trí đất còn lại của xã Cai Bộ.

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường thuộc Khu vực 3 mà xe công nông đi lại được.

9.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 1

Thuộc khu vực chợ Háng Châu.

b) Vùng 2

- Từ khu chợ theo đường vào thủy điện Nà Lòà đến hết nhà ông Trịnh Trọng Thập;

- Từ tiếp giáp xã Độc Lập theo đường 207 đến tiếp giáp huyện Hạ Lang.

c) Vùng 3

Các khu đất còn lại.

10. Xã Phúc Sen

10.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

Đoạn đường theo Quốc lộ 3 từ điểm tiếp giáp xã Quốc Dân đến điểm tiếp giáp xã Chí Thảo.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 2.

b) Khu vực 3

Các vị trí đất còn lại của xã Phúc Sen.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường thuộc Khu vực 3 mà xe ô tô đi lại được.

10.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

Thuộc phạm vi dọc trục đường Quốc lộ 3 đoạn từ điểm tiếp giáp xã Quốc Dân đến điểm tiếp giáp xã Chí Thảo.

b) Vùng 3

Các khu đất còn lại.

11. Xã Quốc Dân

11.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

Đất các xóm theo trục đường Quốc lộ 3 từ điểm tiếp giáp huyện Trà Lĩnh đến điểm tiếp giáp xã Phúc Sen.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của Khu vực 2.

b) Khu vực 3

Các vị trí đất còn lại của xã Quốc Dân.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường thuộc Khu vực 3 mà xe ô tô đi lại được.

11.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

Thuộc phạm vi hai bên đường Quốc lộ 3 đoạn từ điểm tiếp giáp huyện Trà Lĩnh đến điểm tiếp giáp xã Phúc Sen;

- Đoạn từ Quốc lộ 3 theo đường vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết địa phận xã Quốc Dân.

b) Vùng 3

Các khu đất còn lại.

12. Xã Hồng Quang

12.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

Đoạn đường từ giáp ranh xã Chí Thảo theo đường nội vùng đến giáp xã Đại Sơn (huyện Phục Hòa).

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền thuộc đoạn đường khu vực 2.

b) Khu vực 3

Các vị trí đất còn lại của xã Hồng Quang.

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền của các đường thuộc khu vực 3 mà xe công nông đi lại được.

12.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

Thuộc phạm vi hai bên đường từ giáp địa phận xã Chí Thảo theo đường nội vùng đến giáp xã Đại Sơn (Phục Hòa) và các đoạn đường ô tô đi lại được.

b) Vùng 3

Các vị trí đất còn lại.

13. Xã Phi Hải

13.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

Gồm các đoạn đường:

- Đoạn đường từ giáp địa phận xã Quốc Phong theo đường liên xã đến hết xóm Bản Cải (ngã ba đường rẽ đi Ngọc Quyển);

- Đoạn đường từ Bản Quán theo đường liên xã Phi Hải- Quốc Dân đến hết địa giới xã Phi Hải.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền thuộc đoạn đường từ giáp địa phận xã Quốc Phong theo đường liên xã đến hết xóm Bản Cải (ngã ba đường rẽ đi Ngọc Quyển).

b) Khu vực 3

Các vị trí đất còn lại của xã Phi Hải.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường thuộc khu vực 3 mà xe ô tô đi lại được.

13.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

- Đoạn từ nhà bà Lục Thị Bằng Tiến (xóm Bản Quán) theo đường liên xã đến đầu cầu treo Đổng Chang;

- Đoạn đường từ cầu Thạch Bình theo đường Phi Hải - Quốc Dân đến hết địa giới xã Phi Hải.

b) Vùng 3

Đất nông nghiệp thuộc phạm vi các khu đất còn lại.

- Đoạn đường từ ngã ba xóm Bản Quán đến bãi đá ông Thiện;

- Đoạn đường từ nhà ông Nông Trung Hậu theo đường Quốc Dân – Phi Hải đến chân cầu Thạch Bình;

- Đất nông nghiệp thuộc phạm vi các khu đất còn lại.

14. Xã Quảng Hưng

14.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

a) Khu vực 2

Đoạn đường 206 qua địa phận xã.

+ Vị trí 1: Các vị trí đất mặt tiền thuộc Khu vực 2.

b) Khu vực 3

Các vị trí đất còn lại của xã Quảng Hưng.

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền của các đoạn đường phố thuộc Khu vực 3 mà xe ô tô đi lại được.

14.2. Phân vùng đất nông nghiệp

a) Vùng 2

Thuộc phạm vi hai bên đường 206 đi qua địa phận xã.

b) Vùng 3

Các khu đất còn lại.

15. Xã Bình Lãng

15.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

Khu vực 3

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền thuộc đường giao thông chính mà xe ô tô và công nông đi lại được.

15.2. Phân vùng đất nông nghiệp.

Vùng 3

Thuộc phạm vi hai bên đường, đoạn từ tiếp giáp xã Độc Lập theo đường liên xã, đường vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bình Lãng đến hết đường ô tô đi lại được.

16. Xã Đoài Khôn

16.1. Phân loại khu vực và vị trí đất ở

Khu vực 3

+ Vị trí 2: Các vị trí đất mặt tiền thuộc đường giao thông chính mà xe ô tô và công nông đi lại được.

16.2. Phân vùng đất nông nghiệp

Vùng 3

Thuộc phạm vi hai bên đường từ tiếp giáp xã Quốc Dân theo đường xã đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đoài Khôn.

***Ghi chú:** Các trường hợp không quy định cụ thể thì áp dụng quy định chung.

Tài liệu được lưu trữ tại DiaOcOnline.vn